



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

Báo cáo Tài chính hợp nhất

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty có một công ty con: Địa chỉ
Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ Lô I-3b-2, đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP. HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 144.716.021 VND (Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 529.758.924 VND).
Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 1.715.757.343 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 1.860.473.364 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Trương Văn Tích	Thành viên
Bà Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Bách Mộng Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

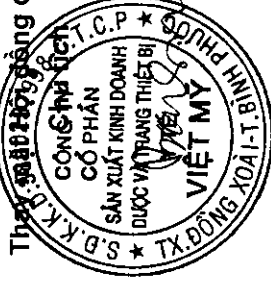
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2014

Thay mặt Hội đồng quản trị



Bách Mộng Hà

Số: 18 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2013 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ ("Công ty") và công ty con (Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ) được lập ngày 05 tháng 01 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày từ trang 04 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

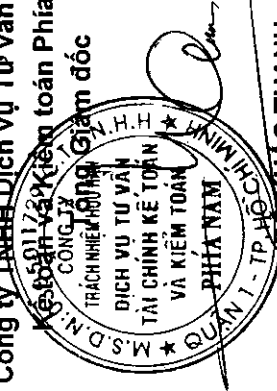
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ và công ty con (Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Kiểm toán viên

ĐỖ KHẮC THANH

Số Giấy CN ĐK HNKT: 0064-2013-142-01

TẠ QUANG TẠO

Số Giấy CN ĐK HNKT: 0055-2013-142-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2013	01/01/2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.455.003.249	6.507.419.017
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	2.181.523.772	1.784.426.962
111	1. Tiền		2.181.523.772	1.784.426.962
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.982.321.443	1.408.344.076
131	1. Phải thu khách hàng		3.068.323.064	1.209.473.633
132	2. Trả trước cho người bán		1.913.232.730	98.330.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	765.649	100.540.443
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho		1.999.663.847	2.758.273.074
141	1. Hàng tồn kho		1.999.663.847	2.758.273.074
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	05		
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		291.494.187	556.374.905
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	06	67.337.685	299.344.060
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		177.693.595	81.183.970
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		46.462.907	175.846.875
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.588.083.001	17.485.851.127
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	
		31/12/2013	01/01/2013
220	II. Tài sản cố định	16.831.298.998	16.249.118.468
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	1.296.225.276
222	- Nguyên giá		4.078.423.396
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.782.198.120)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	08	2.014.068.211
225	- Nguyên giá		2.609.442.583
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(595.374.372)
227	3. Tài sản cố định vô hình	09	9.348.306.480
228	- Nguyên giá		13.530.830.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.182.523.520)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.590.518.501
240	III. Bất động sản đầu tư		
241	- Nguyên giá		
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
251	1. Đầu tư vào công ty con		
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
258	3. Đầu tư dài hạn khác		
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		
260	V. Lợi thế thương mại		
270	VI. Tài sản dài hạn khác	756.784.003	1.236.732.839
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	43.072.059
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
278	3. Tài sản dài hạn khác	12	1.193.660.600
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	27.043.086.250	23.993.270.144



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2013	01/01/2013
300 A. NỢ PHẢI TRẢ			6.038.550.759	3.133.450.674
310 I. Nợ ngắn hạn			4.525.416.539	2.056.017.826
311 1. Vay và nợ ngắn hạn		13	500.000.000	1.500.000.000
312 2. Phải trả người bán			117.026.800	230.231.950
313 3. Người mua trả tiền trước			8.218.935	64.866.608
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		14		157.753.751
315 5. Phải trả người lao động			42.128.441	44.742.776
316 6. Chi phí phải trả		15	96.792.363	17.172.741
317 7. Phải trả nội bộ				
318 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng				
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác		16	3.761.250.000	41.250.000
320 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn				
323 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
330 II. Nợ dài hạn			1.513.134.220	1.077.432.848
331 1. Phải trả dài hạn người bán				
332 2. Phải trả dài hạn nội bộ				
333 3. Phải trả dài hạn khác				
334 4. Vay và nợ dài hạn		17	1.513.134.220	1.077.432.848
335 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm				
337 7. Dự phòng phải trả dài hạn				
338 8. Doanh thu chưa thực hiện				
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU			21.004.535.491	20.859.819.470
410 I. Vốn chủ sở hữu			21.004.535.491	20.859.819.470
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		18	21.157.500.000	21.157.500.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần				
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu				
414 4. Cổ phiếu quỹ (*)				
415 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản				
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
417 7. Quỹ đầu tư phát triển			1.562.792.834	1.562.792.834
418 8. Quỹ dự phòng tài chính				
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			(1.715.757.343)	(1.860.473.364)
421 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản				
430 II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
432 1. Nguồn kinh phí				
433 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ				
500 C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ				
510 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			27.043.086.250	23.993.270.144

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
----------	-------------	------------	------------

- Tài sản thuế ngoài
- Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công
- Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
- Nợ khó đòi đã xử lý
- Ngoại tệ các loại
- Dự toán chi sự nghiệp, dự án

Người lập biểu



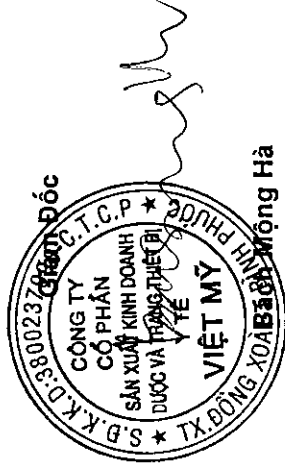
Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vinh

Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2014



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	
			Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	7.740.903.709	9.583.300.417
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	7.740.903.709	9.583.300.417
11	4. Giá vốn hàng bán	23	5.449.016.139	6.969.518.062
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.291.887.570	2.613.782.355
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	6.697.197	45.148.757
22	7. Chi phí tài chính	25	322.891.911	909.375.727
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		307.467.642	903.712.258
24	8. Chi phí bán hàng		219.321.875	453.773.116
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.633.958.486	1.652.197.579
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		122.412.495	(356.415.300)
31	11. Thu nhập khác		1.347.000.000	178.931.364
32	12. Chi phí khác		1.324.696.474	352.276.987
40	13. Lợi nhuận khác		22.303.526	(173.343.617)
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		144.716.021	(529.758.924)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26		
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		144.716.021	(529.758.924)
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		144.716.021	(529.758.924)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	68	(250)

Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

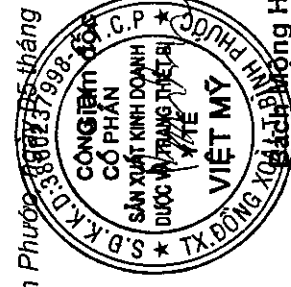
Kế toán trưởng



Đặng Thị Giang



Nguyễn Văn Vĩnh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		144.716.021	(529.758.924)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	1. Khấu hao tài sản cố định		1.146.516.807	1.237.120.645
04	2. Các khoản dự phòng			
05	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		353.176.952	80.304.916
06	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		307.467.642	903.712.250
	5. Chi phí lãi vay			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.951.877.422	1.691.378.887
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.541.103.024)	2.041.812.731
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		758.609.227	611.919.372
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.590.434.016	(660.181.200)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		243.632.431	592.396.768
13	- Tiền lãi vay đã trả		(303.565.279)	(886.559.500)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(121.035.303)	(64.866.384)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		686.202.861	60.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(220.828.553)	(33.017.379)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.044.223.798	3.352.818.593
21	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.019.189.857)	(1.468.558.990)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		929.664.300	178.931.804
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.082.828.360)	(1.244.477.969)
31	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		6.697.197	45.148.757
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.913.134.220	6.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.400.000.000)	(8.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(1.077.432.848)	(838.040.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(564.298.628)	(2.838.040.000)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Mã số	Chi tiêu	Đơn vị tính: VND		
		Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		397.096.810	(729.699.376)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.784.426.962	2.514.126.338
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	2.181.523.772	1.784.426.962

Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

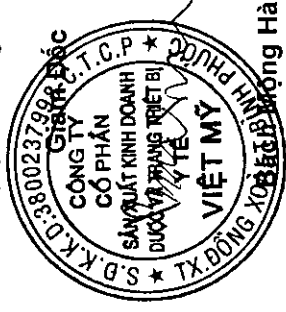
Kế toán trưởng



Đặng Thị Giang



Nguyễn Văn Vĩnh



002
ÔNG
Ổ P
ẤT K
À TRA
Y T
Ệ T
A I-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh được phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ.

1.4 Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty con	Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ
Tên công ty	Lô I-3b-2, đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP. HCM
Địa chỉ	
Vốn điều lệ	5.016.886.834 VND
Tỷ lệ góp vốn	100%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| - Thiết bị công cụ quản lý | 05 năm |

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phần bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ phí phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.



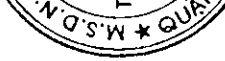
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/GCNUYĐĐT-UB ngày 03/01/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp, Công ty được hưởng mức thuế suất là 25%, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Năm 2007).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND	
3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	
- Tiền mặt	31/12/201301/01/2013
- Tiền gửi ngân hàng	2.027.375.0521.688.350.729
- Tiền đang chuyển	154.148.72096.076.233
- Các khoản tương đương tiền	
Cộng	2.181.523.7721.784.426.962
4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC	
- Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính	31/12/201301/01/2013
- BHXH nộp thừa	603.48097.948.443
- BHYT nộp thừa	113.153
- BHTN nộp thừa	49.016
- Khác	
Cộng	765.6492.592.000
5. HÀNG TỒN KHO	
- Nguyên liệu, vật liệu	31/12/201301/01/2013
- Công cụ, dụng cụ	1.180.293.005735.593.390
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	300.546.861522.249.973
- Thành phẩm	457.804.6051.462.080.156
- Hàng hóa	61.019.37638.349.555
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.999.663.8472.758.273.074
6. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC	
Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/201301/01/2013
- Công cụ, dụng cụ	67.337.685299.344.060
- Chi phí tư vấn phát triển thị trường	57.261.49539.461.009
- Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	
- Phí giám sát môi trường	8.636.355218.388.420
- Phí sửa chữa văn phòng	1.439.83518.750.005
Thuế GTGT được khấu trừ	177.693.59515.545.451
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	81.183.9707.199.175
Tài sản ngắn hạn khác	46.462.907175.846.875
- Tạm ứng	
Cộng	291.494.187556.374.905

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

7. TÀNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Công
----------	------------------------	------------------	---------------------	------------------	------

I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	1.582.533.062	1.615.748.115	746.168.147	133.974.072	4.078.423.396
2. Số tăng trong năm		4.024.486.143	63.840.000		4.088.326.143
- Mua sắm mới		1.406.432.400	63.840.000		1.470.272.400
- Mua lại TS thuê tài chính		2.618.053.743			2.618.053.743
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm		1.980.708.961		133.974.072	2.114.683.033
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ				36.662.730	36.662.730
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		1.804.755.146		97.311.342	1.804.755.146
- Giảm khác		175.953.815			273.265.157
4. Số dư cuối năm	1.582.533.062	3.659.525.297	810.008.147		6.052.066.506

II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	949.519.778	1.444.295.480	269.529.807	118.853.055	2.782.198.120
2. Số tăng trong năm	158.253.300	1.066.929.701	55.760.900	5.555.786	1.286.499.687
- Khấu hao trong năm	158.253.300	306.173.549	55.760.900	5.555.786	525.743.535
- Mua lại TS thuê tài chính		760.756.152			760.756.152
3. Số giảm trong năm		691.170.512		124.408.841	815.579.353
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ				27.097.499	27.097.499
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		515.216.697		97.311.342	515.216.697
- Giảm khác		175.953.815			273.265.157
4. Số dư cuối năm	1.107.773.078	1.820.054.669	325.290.707		3.253.118.454

III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	633.013.284	171.452.635	476.638.340	15.121.017	1.296.225.276
Tại ngày cuối năm	474.759.984	1.839.470.628	484.717.440		2.798.948.052



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

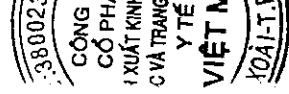
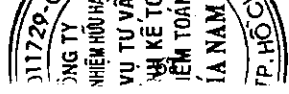
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	2.609.442.583	2.609.442.583			2.609.442.583
2. Số tăng trong năm					
- Thuê tài chính trong năm					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm		2.609.442.583			2.609.442.583
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		2.609.442.583			2.609.442.583
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm					
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm		595.374.372			595.374.372
2. Số tăng trong năm		165.381.780			165.381.780
- Khấu hao trong năm		165.381.780			165.381.780
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm		760.756.152			760.756.152
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		760.756.152			760.756.152
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm					
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm		2.014.068.211			2.014.068.211
Tại ngày cuối năm					

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

9. TÀNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá	4.423.000.000	9.107.830.000			13.530.830.000
Số dư đầu năm					
Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Táo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	4.423.000.000	9.107.830.000			13.530.830.000
Giá trị hao mòn lũy kế	91.000.000	4.091.523.520	455.391.492	455.391.492	4.182.523.520
Số dư đầu năm					
Số tăng trong năm					
- Khấu hao trong năm		455.391.492	455.391.492		455.391.492
- Tăng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	91.000.000	4.546.915.012			4.637.915.012
Giá trị còn lại	4.332.000.000	5.016.306.480			9.348.306.480
Tại ngày đầu năm	4.332.000.000	5.016.306.480			
Tại ngày cuối năm	4.332.000.000	4.560.914.988			8.892.914.988



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Trong đó:

- Công trình văn phòng Bình Dương
- Sửa chữa nhà xưởng Bình Phước
- Nhà máy bao bì
- Công trình nhà máy tại Khu công nghệ cao TP.HCM

	31/12/2013	01/01/2013
	5.139.435.958	3.590.518.501
	16.363.636	16.363.636
	1.572.950.638	92.033.181
	790.532.684	790.532.684
	2.759.589.000	2.691.589.000

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

- Công cụ dụng cụ
- Tôn mạ màu
- Chi phí kiểm định vắc xin
- Phí tư vấn GMP & ISO

	31/12/2013	01/01/2013
	6.300.000	
	25.146.003	
		18.072.059
		25.000.000

Cộng

	31.446.003	43.072.059
--	-------------------	-------------------

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- Ký quỹ thuê tài chính

	31/12/2013	01/01/2013
	725.338.000	925.338.000
		268.322.609

Cộng

	725.338.000	1.193.660.600
--	--------------------	----------------------



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	500.000.000	1.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	500.000.000	1.500.000.000
Cộng	500.000.000	1.500.000.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

- Thuế giá trị gia tăng	31/12/2013	01/01/2013
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		36.718.448
		121.035.303
Cộng		157.753.751

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Trích trước chi phí lãi vay	31/12/2013	01/01/2013
- Trích trước phí kiểm toán	3.902.363	17.172.741
- Trích trước lương tháng 13	65.000.000	
	27.890.000	
Cộng	96.792.363	17.172.741

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.250.000	41.250.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của bà Hoàng Oanh	3.720.000.000	
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Nguyễn Tuấn Huyền	1.320.000.000	
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Bùi Khắc Hào	1.000.000.000	
	1.400.000.000	
Cộng	3.761.250.000	41.250.000

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	1.513.134.220	
Nợ dài hạn	1.513.134.220	
- Nợ thuế tài chính - NH TMCP Á Châu		1.077.432.848
		1.077.432.848
Cộng	1.513.134.220	1.077.432.848

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch ty giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước						
21.157.500.000				(1.330.714.440)	1.562.792.834	
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước						
Tăng khác						
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận						
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát						
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Giảm khác						
Số dư đầu năm						
21.157.500.000				(1.860.473.364)	1.562.792.834	
Tăng vốn trong năm						
Lợi nhuận trong năm						
Tăng khác						
Lỗ trong năm						
Chia cổ tức						
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận						
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát						
Giảm khác						
Số dư cuối năm						
21.157.500.000				(1.715.757.343)	1.562.792.834	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của các cổ đông	31/12/2013	01/01/2013
	21.157.500.000	21.157.500.000
	21.157.500.000	21.157.500.000

18. c) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	31/12/2013	01/01/2013
- Quỹ dự phòng tài chính	1.562.792.834	1.562.792.834
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	1.562.792.834	1.562.792.834

18. d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu ưu đãi	2.115.750	2.115.750
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2013 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Dược phẩm	Bao bì	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	7.093.159.709	647.744.000	7.740.903.709
Doanh thu giữa các bộ phận			
Cộng	7.093.159.709	647.744.000	7.740.903.709
Kết quả kinh doanh	578.961.157	(140.353.948)	438.607.209
Doanh thu tài chính			6.697.197
Chi phí tài chính			(322.891.911)
Thu nhập khác			1.347.000.000
Chi phí khác			(1.324.696.474)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			
Lợi ích cổ đông thiểu số			
Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			144.716.021
Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
	Dược phẩm	Bao bì	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	19.564.795.288	1.476.700.000	21.041.495.288
Tài sản không phân bổ			6.001.590.962
Tổng tài sản			27.043.086.250
Nợ phải trả của bộ phận			6.038.550.759
Nợ phải trả không phân bổ	6.038.550.759		
Tổng nợ phải trả			6.038.550.759

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND	
	Năm 2013
	Năm 2012
20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	
- Doanh thu bán hàng	7.740.903.709
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.583.300.417
Cộng	9.583.300.417
21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	
	Năm 2013
	Năm 2012
- Chiết khấu thương mại	
- Giảm giá hàng bán	
- Hàng bán bị trả lại	
Cộng	
22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	
	Năm 2013
	Năm 2012
- Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	7.740.903.709
- Doanh thu thuần dịch vụ	9.583.300.417
Cộng	9.583.300.417
23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	
	Năm 2013
	Năm 2012
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.449.016.139
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.969.518.062
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
Cộng	6.969.518.062
24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
	Năm 2013
	Năm 2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.697.197
- Cổ tức lợi nhuận được chia	45.148.757
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	
- Lãi bán hàng trả chậm	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	
Cộng	6.697.197
	45.148.757

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Chi phí lãi vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư
- Chi phí tài chính khác

Năm 2013	Năm 2012
307.467.642	903.712.250
15.424.269	5.663.477
322.891.911	909.375.727

Cộng

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay

Năm 2013	Năm 2012

Cộng

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông đã được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

- Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành
- Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Năm 2013	Năm 2012
144.716.021	(529.758.924)
2.115.750	2.115.750
68	(250)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

Năm 2013	Năm 2012
1.792.935.191	3.353.359.581
1.920.050.099	1.837.052.757
1.146.516.807	1.237.120.645
1.084.068.847	926.441.783
328.891.911	1.507.077.945
6.272.462.855	8.861.052.647

Cộng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Tạm ứng	21.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	71.980.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Hoàn tạm ứng	21.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Hoàn tạm ứng	27.000.000
- Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Hoàn tạm ứng	35.044.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Giữ hộ tiền góp vốn	1.320.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Lương và thưởng	110.497.350
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	77.263.559
- Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	40.995.495

Cho đến ngày 31/12/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Đặt cọc tiền thuê xe	400.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Tạm ứng	32.873.049
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	2.464.000

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả
- Công ty TNHH Sinh Học Việt Mỹ	Công ty con	Mượn tiền	637.614.600
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Giữ hộ tiền góp vốn	1.320.000.000

29.2. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản như sau:

Tài sản thế chấp

Đơn vị tính: VND	
31/12/2013	01/01/2013

Hàng tồn kho

Tài sản cố định hữu hình

Dây chuyền máy móc thiết bị dở dang

4.339.000.000

Cộng

4.339.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

29.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ phải thu thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín tại Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

29.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến dựa theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013		
Phải trả người bán	117.026.800	117.026.800
Vay và nợ	500.000.000	2.013.134.220
Phải trả người lao động	42.128.441	42.128.441
Chi phí phải trả	96.792.363	96.792.363
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng	755.947.604	1.513.134.220
		2.269.081.824

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

29.6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2014

Đặng Thị Giang

Nguyễn Văn Vinh

